



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Tel: 0297.3854236 - Fax: 0297.3853804 – Website: www.hakipack.com.vn

THÔNG BÁO

(V/v: Tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

Kính gửi : QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Tên tổ chức: Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Số đăng ký kinh doanh: số 56-03-000144 do Sở Kế hoạch & Đầu tư cấp ngày 30/05/2008; đăng ký thay đổi lần 2 số 1700110786 ngày 17/11/2010.

Căn cứ Điều lệ công ty CP Bao Bì Hà Tiên, HĐQT Công ty trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 như sau :

1. Thời gian tổ chức Đại hội: 07 giờ 30 phút ngày 28/04/2018.

2. Địa điểm tổ chức: Hội trường Công ty CP Bao Bì Hà Tiên.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

3. Chương trình và tài liệu Đại hội

Chương trình làm việc và các văn kiện Đại hội Quý cổ đông có thể xem trên website của công ty; địa chỉ: www.hakipack.com.vn

4. Các vấn đề khác

- Trường hợp Quý cổ đông không sắp xếp tham dự Đại hội được, Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự đại hội (*kèm mẫu Giấy ủy quyền*)

- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 1 lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác. Cổ đông đại diện được ủy quyền khi đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo giấy chứng minh nhân dân (CMND) và giấy ủy quyền có chữ ký của người ủy quyền.

- Để thuận lợi cho công tác tổ chức, đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận tham dự (hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự) bằng cách xác nhận vào Giấy đăng ký hoặc Giấy uỷ quyền và gửi lại / fax cho công ty theo số 0297.3853804 hoặc thông báo qua số điện thoại 0297.3854236; vui lòng gửi xác nhận trước ngày 26/04/2018.

Thông báo này thay cho thư mời

HĐQT Công ty CP Bao Bì Hà Tiên xin trân trọng thông báo.

Kiên Lương, ngày 14 tháng 04 năm 2018

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN MINH HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

Kính gửi : HĐQT Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

*** Tên tổ chức (hoặc cá nhân) ủy quyền:**

.....

- Địa chỉ:

- Họ tên người đại diện (cổ đông pháp nhân):.....

- Chức vụ tại tổ chức:

- CMND số:ngày cấp nơi cấp.....

- Tổng số cổ phần đang sở hữu: cổ phần.

*** Tên tổ chức (hoặc cá nhân) được ủy quyền**

- Họ tên người đại diện (cổ đông pháp nhân):.....

- Chức vụ tại tổ chức:

- Địa chỉ:

- CMND số:ngày cấp nơi cấp.....

*** Nội dung ủy quyền:** Được quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên vào ngày **28/04/2018** và biểu quyết theo số lượng cổ phần có giá trị biểu quyết được ủy quyền.

....., ngày tháng 04 năm 2018.

Đại diện tổ chức (hoặc cá nhân)
được ủy quyền

Đại diện tổ chức (hoặc cá nhân)
ủy quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ

(V/v tham dự đại hội cổ đông thường niên năm 2018)

Kính gửi : HĐQT Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

- **Họ tên cổ đông:**
- **Địa chỉ:**
- **Họ tên người đại diện (cổ đông pháp nhân):**.....
- **Chức vụ tại tổ chức:**
- **CMND số:**ngày cấp nơi cấp.....
- **Tổng số cổ phần đang sở hữu :** cổ phần.

Nay, tôi đăng ký tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên vào ngày **28/04/2018**.

....., ngày tháng 04 năm 2018.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(ký, họ và tên)

** Ghi chú: Cổ đông vui lòng điền vào Giấy đăng ký gửi lại cho công ty có thể gửi bằng đường bưu điện hoặc fax theo số: **0297.3853804**. Ngoài ra Quý cổ đông có thể xác nhận tham gia Đại hội cổ đông bằng cách gọi điện trực tiếp cho công ty theo số **0297.3854236**.*

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Trụ sở chính: Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297. 3854236

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

Thời gian: 07 giờ 30 phút ngày 28/04/2018

Địa điểm: Trụ sở chính công ty - Quốc lộ 80, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG
1	7h00-7h30	Đón đại biểu, cổ đông: phát tài liệu, phiếu biểu quyết Lập danh sách cổ đông có mặt
2	7h30-7h50	Tuyên bố lý do Giới thiệu : - Đoàn Chủ tịch - Ban thư ký - Ban kiểm phiếu Báo cáo tình hình cổ đông dự đại hội Thông qua quy chế làm việc tại Đại hội Thông qua chương trình làm việc của đại hội
3	7h50-8h05	Thông qua Dự thảo sửa đổi Điều lệ công ty
4	8h05-8h20	Báo cáo kết quả SXKD năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018
5	8h20-8h30	Báo cáo thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch đầu tư năm 2018
6	8h30-8h40	Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017
7	8h40-8h50	Báo cáo của HĐQT năm 2017
8	8h50-9h00	Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017
9	9h00-9h10	Báo cáo Tiền lương, thù lao HĐQT và BKS năm 2017, phê duyệt mức tiền lương, thù lao năm 2018
10	9h10-9h20	Chọn Công ty Kiểm toán để kiểm toán BCTC 2018
11	9h20-9h50	Báo cáo việc thay đổi thành viên HĐQT Miễn nhiệm chức danh Trưởng BKS đương nhiệm, bầu bổ sung thành viên BKS
12	9h50-10h00	Đại hội nghỉ giải lao
13	10h00-10h30	Thảo luận – giải đáp ý kiến của cổ đông
14	10h30-10h45	Biểu quyết thông qua các vấn đề thảo luận tại đại hội

15	10h45-10h55	Thông qua Nghị quyết, Thông qua Biên bản họp đại hội
16	10h55-11h00	Bế mạc

[DỰ THẢO]

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

*Thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018
ngày tháng 04 năm 2018*

Kiên Giang, tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

Điều 46. Năm tài chính

Điều 47. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 49. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

Điều 53. Gia hạn hoạt động

Điều 54. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này đã thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên vào ngày tháng 04 năm 2018.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

○ Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên**

○ Tên tiếng Anh: **HATIEN PACKAGING JOINT STOCK COMPANY**

○ Tên viết tắt tiếng Anh : **HAKIPACK**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

○ Trụ sở chính : Quốc lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang.

○ Điện thoại: 0297. 3856947 - 3750439

○ Fax: 0297. 3853804

○ Email: hakipack@vnn.vn

○ Website: www.hakipack.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là 50 năm.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực hoạt động của Công ty

- Sản xuất, kinh doanh các loại bao bì từ nhựa PP và giấy

- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và uỷ thác

- Kinh doanh các ngành nghề khác ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp phép

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi ngành nghề kinh doanh đã đăng ký nhằm mục đích tối ưu hoá lợi nhuận, nâng cao giá trị công ty; tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động, cổ tức cho cổ đông; huy động và sử dụng vốn hiệu quả; đảm bảo hài hoà lợi ích của nhà nước, cổ đông và người lao động; đồng thời đóng góp cho phúc lợi xã hội.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là 40.000.000.000 VND (bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập :

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
* Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.538.050	38,45%
* Công ty Đầu tư & Xây dựng Kiên Giang <i>(Nay là Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD Kiên Giang)</i>	1.538.050	38,45%
* Công ty TNHH TM&DL Phương Nam <i>(Nay là Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang)</i>	400.000	10,00%

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (5)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
7. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội

đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc

đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ **65%** trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (**15**) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc

nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu

ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư lớn không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là ba (03) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30/11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty

vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu

cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo trình tự như sau :

- Bù khoản lỗ các năm trước (nếu có);
- Trả tiền phạt vi phạm pháp luật nhà nước như vi phạm các luật thuế, luật môi trường, luật thương mại, các quy chế hành chính,... sau khi đã trừ tiền bồi thường của tập thể, cá nhân gây ra (nếu có);
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế;
- Lợi nhuận còn lại được phân phối tiếp như sau:
 - + Trích 5% vào Quỹ đầu tư phát triển. Khi số dư quỹ này bằng 10% vốn điều lệ thì không trích nữa. Quỹ này dùng để bổ sung vốn điều lệ và các mục đích khác theo quy định;
 - + Trích 15% vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi khen thưởng, phúc lợi cho người lao động, Ban điều hành và những tổ chức, cá nhân có quan hệ hợp tác

hỗ trợ với Công ty. Giám đốc sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn Công ty sẽ quyết định tỷ lệ phân chia giữa hai quỹ hàng năm;

+ Trích 15% lợi nhuận vượt mức lợi nhuận kế hoạch (sau thuế) để thưởng cho Ban điều hành của Công ty, mức thưởng cho từng cá nhân và đối tượng được thưởng do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Giám đốc công ty. Trích 20% lợi nhuận vượt mức lợi nhuận kế hoạch (sau thuế) để bổ sung vào quỹ thưởng cho người lao động công ty;

+ Chia cổ tức cho cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì Hà Tiên nhất trí thông qua ngày ... tháng 04 năm 2018 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Trần Văn Xuân

Phan Minh Hoàng

Nguyễn Hữu Đức

Cái Hồng Thu

Trương Thanh Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

KP Kênh tám thước – TT Kiên Lương – H.Kiên Lương – T.Kiên Giang

TEL : 02973.856947 – FAX : 02973.853804

Email: hakipack@hakipack.com.vn – hakipack.kg@gmail.com

Số : /BC-BBHT

Kiên Lương, ngày 05 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

(Tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2018)

I. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017:

1. Đặc điểm tình hình :

- Giá nguyên liệu PP đầu năm 2017 là 1.085USD/tấn giá cuối năm 2017 là 1195USD/tấn tăng 10%.
- Mức thuế nhập khẩu hạt nhựa PP tăng thêm 2% và mức lương tối thiểu vùng đối với lao động được điều chỉnh tăng thêm 7,4% cùng với mức tăng tỷ lệ của các loại BHXH làm cho chi phí nhân công tăng thêm 10%
- Tỷ giá USD/VNĐ, lãi vay ngoại tệ và VNĐ ổn định so với năm 2016
- Sản lượng tiêu thụ tăng 8,42%, doanh thu giảm 3,32% so với kế hoạch năm 2017 chứng tỏ giá bán đã giảm trên 10%.
- Năng suất lao động tính theo sản lượng tăng 5,28%, giá thành sản phẩm đã giảm mạnh mới có thể giảm được giá mà không ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận.
- Cơ cấu sản phẩm công ty trong năm tiếp tục thay đổi theo xu hướng bao lớn chiếm 74,4%, bao nhỏ (không tính phụ kiện) chiếm 20% sản lượng qui đổi

2. Tình hình hoạt động SXKD

2.1-Đánh giá chung

***Thuận lợi:**

- Các khách hàng truyền thống tiếp tục gắn bó với công ty và trong năm đã có tăng thêm 1 vài khách hàng mới. Hiệu suất làm việc của người lao động chưa cao, năng suất lao động tăng chậm
- Thương hiệu Hakipack tiếp tục được củng cố , năm 2017 công ty được cấp giấy chứng nhận FSSC22000.
- Hoạt động mua nguyên liệu PP trên nền tảng thông tin được cập nhật kịp thời nên giá nhập mua rất hợp lý làm cho chi phí nguyên liệu giảm thấp hơn giá kế hoạch 2017.
- Hoạt động tái cấu trúc toàn diện công ty chưa được như dự kiến nhưng đó là nhân tố thúc đẩy công ty thực hiện tăng năng suất lao động, giảm chi phí, cải thiện thu nhập và hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2017.

***Khó khăn:**

- Hiệu suất sử dụng thiết bị không cao do chất lượng duy tu, bảo dưỡng và sử dụng chưa đạt yêu cầu đề ra
- Mục tiêu giảm phế liệu phế phẩm, kiểm soát thực hiện định mức tiêu hao chưa đạt yêu cầu. Chất lượng sản phẩm còn nhận nhiều phản nản của tất cả các khách hàng trong và ngoài nước.
- Hoạt động đào tạo nhân sự chậm triển khai nên chất lượng nguồn lực lao động chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn
- Cơ cấu tổ chức của công ty vẫn còn đang trong giai đoạn tái cấu trúc hoàn thiện để phù hợp với định hướng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

2.2-Kết quả hoạt động SXKD:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	(%) so KH 2017
1	Tổng doanh thu	Đồng	131.812.803.396	129.918.164.447	98,6
2	Kim ngạch xuất khẩu	“	2.500.000	2.761.587	110,5
3	EBITDA	“	10.184.545.034	10.095.868.361	99,1
4	Chi phí tài chính	“	2.521.403.328	2.505.963.048	99,4
5	Chi phí khấu hao	“	4.389.762.862	4.139.322.888	94,3
6	Lợi nhuận trước thuế	“	3.508.333.333	3.549.321.970	101,2
7	Lợi nhuận sau thuế	“	3.000.000.000	3.140.664.761	104,7
8	EBITDA/ Doanh thu thuần	%	7,8	7,9	101,3
9	Tỷ lệ cổ tức	%	6,0	6,2	103,8

2.3- Tình hình đầu tư tài chính

STT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư (Đồng)	Cổ tức năm 2016(Đồng)
1	Công ty CP XM Hà Tiên Kiên Giang	1.400.000.000	560.000.000
2	Công ty CP xi măng Hà Tiên	1.005.200.000	351.820.000
3	Công ty CP xi măng Kiên Giang	1.200.000.000	762.382.094
Tổng cộng		3.605.200.000	1.674.202.094

2.4- Sản lượng sản xuất : Sản lượng sản xuất qui đổi đạt 109,1% KH 2017 và bằng 108,95% so với năm 2016. trong đó:

- Sản xuất cho Condepols đạt 364,25%, cho khách hàng Mỹ đạt 79,99% KH 2017.
- Sản xuất bao bigbag nội địa đạt 91,69% KH 2017, bằng 102,22% so với năm 2016.
- Sản xuất bao xi măng đạt 162,35% KH 2017 và bằng 78,52% so với năm 2016.

2.5- Sản lượng tiêu thụ: Sản lượng tiêu thụ qui đổi đạt 108,42% KH 2017 và bằng 108,5% so với năm 2016, trong đó:

- Khách hàng Condepols đạt 339,33%, khách hàng Mỹ đạt 84,62% KH 2017.
- Bao bigbag nội địa đạt 90,9% KH 2017 và bằng 97,6% so với năm 2016
- Bao xi măng đạt 163,26% KH 2017 và bằng 79,56% so với năm 2016

2.6- Tình hình đầu tư quản lý sử dụng thiết bị:

- Duy trì tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, nhà xưởng đảm bảo nhà xưởng và thiết bị luôn trong tình trạng tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Nhập mua và hoàn tất việc lắp đặt đưa vào vận hành: 1 máy tráng và máy dệt dây đai, 01 máy in 9 màu và 7 máy dệt Nova6
- Hoàn thiện các hạng mục đầu tư cải tạo sửa chữa nâng cấp nhà xưởng, nhà kho, để đáp ứng yêu cầu thực hiện FSSC22000.
- Triển khai và theo dõi hợp đồng mua sắm máy xếp sợi và lập thủ tục nhập mua phụ

tùng máy dệt đai, máy tạo sợi 3

- Lắp bộ hút khói tại máy tráng mới và khảo sát để thực hiện triển khai bộ hút khói tại máy tạo sợi, máy tái chế và 01 bộ hút khí tại khu vực máy in.
- Tìm kiếm đối tác mua phần mềm quản lý công ty.
- Khảo sát vị trí đặt tủ để đồ cho công nhân và lựa chọn nhà cung cấp thiết kế áo mặc cho công nhân theo yêu cầu FSSC22000

3.Cơ cấu tổ chức chính sách và quản trị

3.1- Công tác thị trường:

- Tiếp và làm việc với khách hàng Condepol
- Thương lượng ký kết hợp đồng tiêu thụ 2017 với các khách hàng truyền thống
- Tăng cường hoạt động bán hàng, tăng cường tần suất xúc tiến với các khách hàng bao big bag truyền thống trong nước và hỗ trợ khách hàng trong việc tìm kiếm thêm các đơn hàng mới để gia tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm bao big bag nội địa
- Nắm vững tình hình thị trường, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất tiêu thụ.
- Thăm và làm việc với các khách hàng bao big bag, bao PP, bao xi măng truyền thống trong nước nhằm đánh giá và thực hiện các giải pháp phù hợp để gia tăng sản lượng tiêu thụ vỏ bao trong năm 2017 và định hướng cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Giới thiệu sản phẩm và xúc tiến đơn hàng với các khách hàng: Công ty xi măng LUK ở miền trung, Công ty TNHH Trường Sơn Anh, DNTN Lê Bên, Tập đoàn Sao Mai.

3.2- Công tác nhân sự đào tạo tuyển dụng và quản trị:

- Tổng số lao động trong năm 2017: 344 người (trong đó nữ 199) giảm 12 người so với năm 2016. Trong năm thực hiện đào tạo 04 thợ may cho PX3.
- Sắp xếp nhân sự, kiện toàn Ban ISO và Ban chỉ đạo PCCN công ty.
- Điều động Phó quản đốc phân xưởng 3 về nhận nhiệm vụ Phó phòng Kỹ thuật KCS và bổ nhiệm mới 1 Phó quản đốc Phân xưởng 3;
- Hoàn tất chuyển giao tổ cắt vải, in bao của Phân xưởng 3 qua Phân xưởng 1.

3.3-Công tác vật tư:

Tên vật tư	ĐVT	Nhập năm 2017	Tồn 31/12/2017
1- Hạt PP tạo sợi	Kg	1.820.657	87.125
2- Hạt PP Tráng	Kg	262.900	9.250
3- Giấy Kraft	Kg	62.035	6.100
4- Hạt phụ gia: + 201 tạo sợi	Kg	274.950	-
+ Tráng màng	“	56.000	2.225
+ UV	“	32.500	2.750
5- Mực in các loại	Kg	7.606	3.083
6- Dung môi	Kg	14.660	1.870

3.4- Công tác ISO và KCS

- Quy trình sản xuất được duy trì thực hiện, tuy nhiên tỉ lệ phế liệu phế phẩm trong từng công đoạn sản xuất vẫn ở mức cao hơn mục tiêu chất lượng đề ra đầu năm do hệ thống quản lý chất lượng của công ty tuy đã cố gắng vẫn chưa ngang tầm công việc.
- Tổ chức SGS của Thụy Sĩ cấp giấy chứng nhận FSSC22000 và TUV đánh giá tái cấp giấy chứng nhận 02 hệ thống quản lý ISO 9001 và 14001 cho công ty.
- Triển khai thực hiện hệ thống FSSC22000, hoàn thiện sổ tay an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC22000 và thực hiện kế hoạch HACCP
- Tổ chức tập huấn công tác an toàn vệ sinh lao động cho CB-CNV và người lao động.
- Hoàn thiện quy trình sản xuất và nghiệm thu bao PP.
- Thực hiện đánh giá nội bộ và đo quan trắc môi trường

- Thực hiện các hợp đồng xử lý rác thải nguy hại, đo môi trường lao động và đăng ký chủ nguồn rác thải nguy hại
- củng cố công tác quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm và xây dựng thêm quy trình kiểm soát chất lượng may bao big bag, khắc phục các vấn đề kỹ thuật vỏ bao xi măng.
- Xây dựng mục tiêu chất lượng 2018, tổng hợp ý kiến khách hàng, đánh giá hiệu quả hành động khắc phục phòng ngừa NC trong năm 2017.

3.5-Công tác khác:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và hội nghị người lao động năm 2017 và tham gia đối thoại định kỳ theo ND của chính phủ.
- Tổ chức họp HĐQT định kỳ trong năm
- Tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản công ty thời điểm cuối năm
- Các phòng ban, phân xưởng xây dựng ngân sách năm 2018.
- Tham gia bảo hiểm hỏa hoạn các rủi ro đặc biệt, vận chuyển hàng hóa cho năm 2018
- Phun xịt thuốc diệt nhện, côn trùng cho các phân xưởng và nhà kho trong công ty.
- Phối hợp Trường Cao đẳng Kinh tế kỹ thuật Kiên Giang xây dựng giáo trình về công tác ISO và quản lý cấp trung để mở lớp đào tạo cho CB-CNLĐ tại công ty.
- Khám bệnh nghề nghiệp cho CB-CNLĐ làm việc tại các vị trí có yếu tố độc hại. và phối hợp với Bệnh viện đa khoa huyện Kiên Lương tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV và người lao động trong công ty. Có 324/346 người được khám; đạt 93,7%.
- Thực hiện triển khai nhật ký công việc hàng ngày cấp nhóm trưởng, tổ trưởng, trưởng ca, phó quản đốc và triển khai bản mô tả công việc từ cấp nhóm trưởng trở lên.
- Tổ chức cho CB-CNLĐ đi tham quan nghỉ mát ở Đà Lạt.
- Tổng kết đánh giá, chấm điểm các phong trào thi đua như phong trào “toàn dân bảo vệ ANTO”, phong trào “An toàn về an ninh trật tự”, xây dựng đơn vị đạt chuẩn “Đơn vị văn hóa” năm 2017.
- Công đoàn cơ sở tham gia Hội thi nấu ăn và cắm hoa do Liên đoàn lao động huyện Kiên Lương tổ chức. Chỉ đạo Ban nữ công phối hợp cùng Đoàn thanh niên tổ chức buổi họp mặt nữ CB-CNLĐ kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 8-3 ngày thành lập Đoàn 26/3.
- Công đoàn cơ sở hoạt động, hưởng ứng “tháng công nhân”, ủng hộ quỹ “Mái ấm công đoàn”. Ban chấp hành công đoàn tổ chức phát quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và khen thưởng cho các em học sinh là con của CB-CNV-LĐ công ty đạt được thành tích học tập tốt trong năm học 2016-2017.

II/ Nhiệm vụ kế hoạch năm 2018:

1. Dự báo tình hình:

- Cạnh tranh trong nước và quốc tế đối với các sản phẩm của công ty tiếp tục được gia tăng hơn nữa các rào cản kỹ thuật ngày càng tăng lên
- Mức lương tối thiểu vùng đối với lao động được điều chỉnh tăng thêm 6,5% cùng với mức tăng tỷ lệ của các loại BHXH làm cho chi phí nhân công tăng thêm 9%
- Giá nhựa PP bình quân năm 2018 sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng do giá dầu đã thiết lập mặt bằng giá mới (Hiện giá thị trường là 1.310USD/tấn)
- Các chi phí logistics không được cải thiện, cạnh tranh về giá bán tiếp tục gia tăng nên lợi nhuận của công ty sẽ tiếp tục suy giảm.
- Vỏ bao xi măng may 2 đầu khách hàng không còn sử dụng
- Với việc Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) vừa ra thông báo khởi xướng điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm bao và túi đóng hàng được dệt từ polypropylen và đang yêu cầu Hakipack cung cấp các tài liệu liên quan để xem xét nên dự kiến sản lượng tiêu thụ bao BOPP, bao PP vào thị trường Mỹ ở mức rất thấp trong thời gian tới.

2.Định hướng phát triển 2018:

- Tỷ trọng bao big bag đạt trên 75%, tỷ trọng bao nhỏ(trừ phụ kiện)đạt 20% sản lượng quy đổi

- Sản lượng đầu người tăng 7% so với năm 2017.
- Duy trì nâng cao trình độ vận dụng ISO 9001-14001 phiên bản 2015 và FSSC22000.
- Thực hiện việc chuẩn hóa khung bậc thợ từ công nhân vận hành cho đến quản đốc phân xưởng.
- Kiểm soát và tiết kiệm chi phí sản xuất (Điện, phế liệu phế phẩm, định mức tiêu hao...) gia tăng giá trị thu hồi phế liệu phế phẩm và các chi phí khác để có thể giảm giá thành từ 5% trở lên.
- Đảm bảo kế hoạch duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị được thực hiện 100% để gia tăng hiệu suất sử dụng thiết bị và giảm bớt các tổn thất do dừng máy, do tốc độ máy móc thiết bị thấp và sản phẩm không đạt chất lượng do lỗi thiết bị.
- Quản lý chất lượng một cách có hiệu quả từ khâu cung ứng nguyên liệu đầu vào đến khâu sản xuất và sau khi bán sản phẩm.
- Tiếp tục thực hiện quy hoạch đào tạo nhân lực kế cận từ cấp lãnh đạo cao nhất cho tới cấp nhóm trưởng.
- Tiếp tục thực hiện đổi mới hoạt động ghi chép, thu thập, báo cáo, truyền đạt thông tin mệnh lệnh sản xuất... đảm bảo kịp thời, hiệu quả, không chồng chéo và tiết kiệm chi phí.
- Mở 1 văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sản xuất và tiêu thụ:

Trên cơ sở phân tích đánh giá tình hình kinh tế và năng lực hiện có, công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	K.H NĂM 2018	KH QUÝ I
I	Sản phẩm qui đổi bao XM	Cái	32.462.000	7.973.950
1	Bao XM KG	“	400.000	150.000
2	Bao BOPP/KP	“	800.000	300.000
3	Phụ kiện	“	800.000	150.000
4	Bao PP	“	2.600.000	600.000
5	<i>Bao bigbag</i>	“	800.000	195.000
5.1	Bigbag nội địa	“	265.000	50.000
5.2	Bạt Cầu		105.000	25.000
5.3	Condepols	“	250.000	80.000
5.4	Barry Coman	“	180.000	40.000
6	Vải dệt PP	kg	25.000	10.000
II	Doanh thu	Tr. Đồng	135.744	32.000
	Trong đó kim ngạch X.K	USD	2.500.000	700.000
III	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	3.000	
IV	Chia cổ tức	%/năm	6	

4. Công tác thị trường

- Hẹn làm việc với Vicem HT1 kết hợp tổ chức xúc tiến thị trường và chăm sóc khách hàng nhân dịp cuối năm.
- Nắm vững tình hình thị trường, phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban phân xưởng trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất, kế hoạch bán hàng, kế hoạch nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
- Tập trung tăng cường hoạt động bán hàng, tích cực tiếp cận các đơn hàng vỏ bao big bag trong nước
- Thực hiện các giải pháp phù hợp để giảm giá thành sản phẩm
- Xúc tiến thêm hợp đồng cung cấp bao PP
- Tìm kiếm nhân sự đối tác bán hàng cho công ty và mở rộng thêm thị trường xuất khẩu bao big bag

5. Công tác vật tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản:

5.1- Công tác hậu cần, chủ động trong công tác cung ứng:

- Theo dõi sát tình hình giá nguyên vật liệu trong và ngoài nước. Tìm kiếm bổ sung các nguồn cung ứng nguyên vật liệu có chất lượng ổn định, giá cả hợp lý để phục vụ sản xuất, đảm bảo đầy đủ nguyên liệu phục vụ cho sản xuất liên tục.

5.2- Hoạt động sửa chữa bảo dưỡng nhà cửa, máy móc thiết bị:

- Duy trì tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, nhà xưởng đảm bảo nhà xưởng và thiết bị luôn trong tình trạng tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

5.3- Hoạt động ĐTX DCB và mua sắm máy móc thiết bị:

- Làm thủ tục tiếp nhận, lắp đặt máy xếp sợi, Phụ tùng: máy dệt đai, máy may
- Lắp bộ hút khói tại 3 máy tạo sợi và máy tráng Việt Nam.
- Trên cơ sở báo cáo dự kiến đầu tư 2018, công tác thực hiện đầu tư đổi mới các thiết bị năng suất thấp, chất lượng xử dụng không ổn định cần phải khẩn trương thực hiện để tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng tốt yêu cầu sản phẩm cho khách hàng.

6. Công tác ISO&KCS

- Duy trì, thực hiện quy trình sản xuất, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nguyên liệu đầu vào trước khi đưa vào sản xuất và kiểm soát tốt chất lượng sản phẩm.
- Thực hiện quản lý sản xuất và kiểm soát có hiệu quả chất lượng sản phẩm theo hệ thống ISO 9001-14001 và FSSC22000 đảm bảo chất lượng luôn giữ vững và ổn định đáp ứng tốt nhất yêu cầu chất lượng của khách hàng
- Hoàn thiện các hạng mục PCCC, đánh giá nội bộ FSSC22000

7. Công tác tổ chức và công tác khác :

- Họp HĐQT quý IV thông qua ngân sách năm 2018
- Tổng kết kiểm kê, hoàn tất quyết toán và kiểm toán 2017
- Xét công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thi đua khen thưởng năm 2017
- Rà soát, bố trí lại lao động cho phù hợp tình hình SXKD tại các phòng ban, phân xưởng.
- Tham gia bảo hiểm tai nạn và sinh mạng năm 2017 cho CB-CNLĐ
- Bảo quản tốt kho tàng nhà xưởng và ANTT trong công ty.
- Công Đoàn và Đoàn thanh niên phát huy vai trò của tổ chức mình cùng ban lãnh đạo công ty động viên cán bộ công nhân viên toàn Công ty nỗ lực sáng tạo vượt khó, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ, thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
GIÁM ĐỐC

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NGÂN SÁCH 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIÁ TRỊ
I	SẢN LƯỢNG SX VÀ TIÊU THỤ QUI ĐỔI		32,462,000
	- VỎ BAO XM	cái	400,000
	- VỎ BAO PP (1cái = 1,4 bao xi măng)	CÁI	2,600,000
	- VỎ BAO BOPP	cái	800,000
	- VỎ BAO BIGBAG NỘI ĐỊA (1cái = 32,26 bao xi măng)	cái	370,000
	- VỎ BAO BIGBAGS XK (1cái = 32,26 bao xi măng)	cái	430,000
	- BAO PHỤ KIỆN (xuất khẩu) (1PK=1,955 Bao XM)	cái	800,000
	- VẢI DỆT (1kg = 10 bao xi măng)	kg	25,000
II	KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH		
1	CHI PHÍ SẢN XUẤT TIÊU THỤ		134,186,615,844
	- Chi phí nguyên vật liệu	Đồng	77,697,128,858
	- Chi phí tiền Lương	Đồng	23,063,760,996
	+ Lương CT.HĐQT	"	388,800,000
	+ Lương Giám đốc	"	374,400,000
	+ Lương Phó Giám đốc	"	331,200,000
	+ Lương Trưởng BKS (từ tháng 05-12/2018)	"	220,800,000
	+ Lương Kế toán trưởng	"	302,400,000
	+ Lương theo sản phẩm	"	20,320,000,000
	+ Lương ngày nghỉ chế độ	"	1,346,961,000
	- Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	"	4,040,000,000
	- Chi phí ăn ca	"	2,100,000,000
	- Chi phí tiền điện	"	6,630,000,000
	- Chi phí tiền nước	"	120,000,000
	- Chi phí khấu hao	"	4,688,896,367
	- Chi phí sản xuất chung khác	"	5,693,000,000
	- Chi phí bán hàng	"	4,185,000,000
	- Chi phí quản lý	"	3,132,000,000
	- Chi phí tài chính	"	2,601,274,067
	Trong đó : lãi vay		2,500,421,166
	lỗ tỷ giá		100,852,900
	- Chi phí khác	"	235,555,556
	Trong đó : thù lao HĐQT, BKS		235,555,556
2	TỔNG DOANH THU		137,570,504,733
	- Doanh thu bán hàng	Đồng	135,744,504,733
	- Doanh thu tài chính	"	1,700,000,000
	Trong đó : cổ tức từ đầu tư vốn		1,700,000,000
	- Thu nhập khác		126,000,000
3	LỢI NHUẬN		
	- Lợi nhuận trước thuế	"	3,383,888,889
	- Thuế TNDN 20% *	"	383,888,889
	- Lợi nhuận sau thuế	"	3,000,000,000

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU NGÂN SÁCH 2018

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIÁ TRỊ
III	DỰ TOÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
	- Lợi nhuận sau thuế	đồng	3,000,000,000
	- Bù lỗ của năm trước		
	- Lợi nhuận còn lại để phân phối		3,000,000,000
	+ Trích quỹ đầu tư phát triển 5%	"	150,000,000
	+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 15%	"	450,000,000
	+ Cổ tức	%	2,400,000,000
	- Cổ tức năm trước chưa chia	"	
	- Tổng cộng chia cổ tức	"	2,400,000,000
	- Tỷ lệ chia cổ tức (%/năm)	%	6.0%

Thuyết minh:

- Phần lãi tỷ giá trong DT tài chính được tính bù trừ vào phần lỗ tỷ giá trong CP tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)
Quốc lộ 80–TT Kiên Lương–H. Kiên Lương–T. Kiên Giang
TEL : 077.3856947 – FAX : 077.3853804

Số/BC-ĐT

Kiên Lương, ngày 05 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO

(Thực hiện đầu tư năm 2017 và dự kiến đầu tư 2018)

- Căn cứ: Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2017

- Căn cứ: Nghị quyết của HĐQT

- Căn cứ báo cáo đầu tư số 24/BC-ĐT ngày 22/12/2016 của công ty CP bao bì Hà Tiên

Trên cơ sở đó trong năm 2017, Công ty CP bao bì Hà Tiên đã tổ chức thực hiện công tác đầu tư và dự kiến đầu tư trong năm 2018 như sau:

I/-Thực hiện đầu tư năm 2017

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị thiết bị (Đồng)
1	MÁY IN 09 MÀU PEA SHINN – CHINA (Năm 2016 chuyển sang)	“	1	1.578.492.398
2	MÁY DỆT NOVA 6 – LOHIA (INDIA) (Năm 2016 chuyển sang)	“	7	2.492.572.000
3	Máy tráng màng 2 miệng khuôn – BOND (Model: BDC – ES75 – 1000C) - CHINA (Năm 2016 chuyển sang)	Cái	01	4.226.290.832
4	Hệ thống hút khói Máy tráng màng 2 miệng khuôn – BOND	HT	01	46.312.500
5	Máy Vi tính (Máy chủ Phòng kế toán)	Bộ	01	65.160.000
6	Máy dệt dây đai bàn 7,5cm	“	02	498.552.000
7	Khôi phục máy tráng màng củ (miệng khuôn, xy lanh và trục Vit)	Cái	01	280.157.750
8	Khôi phục máy ó	Cái	01	188.154.880
9	Nhà xưởng 2 mở rộng			407.713.366
10	Đường bê tông nổi PX2 và PX3			55.621.818

11	Sân nền vữa Bê tông PX2			59.909.091
12	Cải tạo, sửa chữa nhà xưởng			1.414.550.365
Tổng cộng				11.313.487.000

II/-Dự kiến đầu tư trong năm 2018

Trong phương hướng đầu tư 2018 công ty sẽ tiếp tục tập trung thực hiện mục tiêu gia tăng năng suất lao động và năng suất thiết bị để tăng lượng tiêu thụ bao big bag.

Trên cơ sở thực tế thiết bị hiện tại và phương hướng của công ty, dự kiến trong năm 2018 các nội dung đầu tư của công ty cụ thể như sau:

STT	Nội dung đầu tư	ĐVT	Số lượng	Giá trị thiết bị (Đồng)
1	Máy xếp sợi	Cái	01	750.000.000
2	Máy Khắc bản in cao su	“	01	100.000.000
3	Hệ thống camera		01	400.000.000
4	Hệ thống báo cháy tự động và hệ thống ngăn cháy (*)			2.000.000.000
5	Đầu tư đào tạo			630.000.000
Tổng cộng				3.880.000.000

Kính trình hội đồng quản trị xem xét quyết định.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
GIÁM ĐỐC

(*) : Thực hiện theo nguồn lực tài chính của công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 34

JAABF
CỔ
HÁCH
KIẾ
AFC
CI
AI R

7007
CỔ
CỔ
BA
HÀ
HÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Công ty

Công ty là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700110786 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai vào ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại : 02973 856 947
- Fax : 02973 853 804

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phan Minh Hoàng	Chủ tịch
Ông Trần Văn Xuân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Út	Trưởng ban
Bà Tô Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Mã Hồng Phương	Thành viên

Ban Giám đốc:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Cường	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Đức	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN HỮU ĐỨC

Giám đốc

Kiên Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2018

002-C
Y
ƯU HẠN
ÁN
I NÁP
ÁNH
THO
-TP.C

86-C
Y
N
I
N
KẾ



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 045/2018/BCKT-CT.00070



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao Bi Hà Tiên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bi Hà Tiên (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2018, từ trang 4 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bi Hà Tiên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ
TP. Cần Thơ, ngày 22 tháng 03 năm 2018

(Handwritten signature)

LÊ THANH VŨ
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2734-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

			Đơn vị tính: VND	
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.074.802.786	55.085.837.073
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.941.848.394	3.286.580.626
Tiền	111		9.941.848.394	3.286.580.626
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.998.300.626	26.127.225.740
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.541.682.603	25.468.794.297
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	167.025.401	173.397.440
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	524.990.824	714.813.072
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(235.398.202)	(229.779.069)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	24.586.773.516	24.584.806.071
Hàng tồn kho	141		24.958.270.385	24.801.648.797
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(371.496.869)	(216.842.726)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.547.880.250	1.087.224.636
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	638.809.853	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		909.070.397	1.087.224.636
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

		Đơn vị tính: VND		
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.119.725.415	38.528.588.903
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		39.491.844.537	34.699.095.420
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	39.357.618.601	34.561.864.648
Nguyên giá	222		146.409.733.512	137.520.033.507
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.052.114.911)	(102.958.168.859)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	134.225.936	137.230.772
Nguyên giá	228		197.046.189	197.046.189
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(62.820.253)	(59.815.417)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		495.225.067	1.700.227
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	495.225.067	1.700.227
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	3.605.200.000	3.605.200.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.605.200.000	3.605.200.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.527.455.811	222.593.256
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	1.450.398.216	200.137.345
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	77.057.595	22.455.911
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.194.528.201	93.614.425.976

3AB
CÔ
CH
KIÊ
FC
CI
V R

0110
ÔNG
Ồ PH
BAO
IÀ T
SANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		56.756.629.216	45.481.172.680
Nợ ngắn hạn	310		51.194.078.216	41.084.504.680
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	7.625.755.213	7.848.361.928
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		97.020.600	224.963.720
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	19.928.649	218.538.334
Phải trả người lao động	314		3.536.826.326	4.312.609.536
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	1.045.546.451	780.887.224
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	37.985.009.971	26.827.219.360
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	883.991.006	871.924.578
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		5.562.551.000	4.396.668.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	5.562.551.000	4.396.668.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

95-0
 NG D
 HIEM H
 V TO
 VIET
 (INH
 CAN)
 ING

1786-
 TY
 AN
 BI
 IEN
 T KIE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.437.898.985	48.133.253.296
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	49.437.898.985	48.133.253.296
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.000.000.000	40.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.998.703	3.998.703
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		6.785.434.949	6.785.434.949
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.648.465.333	1.343.819.644
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(1.819.334.191)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.648.465.333	3.163.153.835
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.194.528.201	93.614.425.976

02-C
DU HẠN
ÊN
NÀI
ANH
IHO
-TP.C

M.S.D.N. 1700110786-C.T.C.P
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BAO BÌ
HÀ TIÊN
H. KIÊN GIANG

M.S.D.N. 1700110786-C.T.C.P
KIÊN GIANG


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	127.469.923.959	121.606.756.231
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		127.469.923.959	121.606.756.231
Giá vốn hàng bán	11	6.2	110.262.864.735	105.049.375.140
Lợi nhuận gộp	20		17.207.059.224	16.557.381.091
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.919.208.281	1.368.209.857
Chi phí tài chính	22	6.4	2.505.963.048	2.361.306.709
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2.407.223.503	2.146.558.419
Chi phí bán hàng	25	6.5	4.068.163.598	4.170.665.909
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	9.264.650.481	6.710.543.781
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.287.490.378	4.683.074.549
Thu nhập khác	31	6.7	529.032.207	176.808.696
Chi phí khác	32	6.8	267.200.615	337.833.237
Lợi nhuận khác	40		261.831.592	(161.024.541)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.549.321.970	4.522.050.008
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	463.258.893	458.125.032
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	6.9	(54.601.684)	(26.308.931)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.140.664.761	4.090.233.907
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	662	819



1700
CÔ
CỔ
BÀ
HÀ
KIÊN GIANG

(Handwritten signatures in blue ink)

QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu

VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.549.321.970	4.522.050.008
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.139.322.888	3.855.399.220
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		160.273.276	128.531.336
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		8.187.727	70.413.132
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.683.739.805)	(836.471.537)
Chi phí lãi vay	06		2.407.223.503	2.146.558.419
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.580.589.559	9.886.480.578
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.235.287.800	(6.963.590.346)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(156.621.588)	430.195.977
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.346.942.660)	8.422.962.025
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.889.070.724)	253.479.192
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.407.223.503)	(2.146.558.419)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(661.868.578)	(193.627.165)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(480.133.000)	(368.315.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.874.017.306	9.321.026.842
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.425.596.845)	(574.123.290)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.683.739.805	852.999.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.741.857.040)	278.875.933



1107

 NG T
 PHẢ
 O B
 TIÊ


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	93.970.614.609	72.033.433.441
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(81.645.286.740)	(82.847.578.311)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(800.000.000)	(1.076.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.525.327.869	(11.890.779.870)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50		6.657.488.135	(2.290.877.095)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.286.580.626	5.577.646.210
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.220.367)	(188.489)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	9.941.848.394	3.286.580.626



0448
CÔ
ÁCH NH
KIÊN
FC V
CHI
CÁ
RĂNG

86-C
Y
N
i
N
KIÊN

QUACH VIỆT HUNG
Người lập biểu

VAN NGỌC LƯU
Kê toán trưởng

NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 56.03.000043 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 05 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1700110786 ngày 17 tháng 11 năm 2010 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty sản xuất bao bì.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; sản xuất sợi; sản xuất vải dệt thoi; hoàn thiện sản phẩm dệt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 324 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 356 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

996
IG
EM
TO
IET
NH
NT
3-T



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc thiết bị	5 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10



0786
TY
ĂN
BÌ
HÀ
TIỀN
KIỂM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình (quyền sử dụng đất) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

1489
CỘNG
HÒA
KIỂM
C VI
CHI
CẢ
PÁN

M.S.D.N: 17
H. KIẾN

C.T.C.P
KIÊN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

75-0
C TY
M HUU
TO AI
ET M
NH AP
N TH C
S-TP

001
C ON
G O
B. H.
K E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.18 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

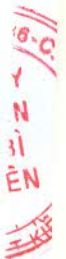
Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hud Kiên Giang	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	Cổ đông lớn
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	81.364.565	140.026.656
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ VND	5.070.217.762	2.385.060.299
+ USD	4.774.169.028	747.062.028
+ EUR	16.097.039	14.431.643
	9.941.848.394	3.286.580.626

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
+ USD	210.733,57	4.774.169.028
+ EUR	598,67	16.097.039
		4.790.266.067

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các khách hàng khác		
CONDEPOLS, S. A	13.741.457.307	8.304.802.640
AMERICAN BAG AND BURLAP COMPANY	2.645.176.957	5.799.237.409
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	2.523.259.867	4.037.700.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	2.619.507.936	1.543.080.000
Các đối tượng khác	3.012.280.536	5.783.974.248
	24.541.682.603	25.468.794.297

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Tungshing Sewing Machine Co., LTD	116.925.401	-
Công ty TNHH Franco Pacific	-	99.847.440
Công ty TNHH SGS Việt Nam	-	33.550.000
Các nhà cung cấp khác	50.100.000	40.000.000
	167.025.401	173.397.440

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt Kiên Giang	174.470.092	(174.470.092)	174.470.092	(174.470.092)
American Bag And Burlap Company	-	-	94.879.695	-
Bảo hiểm xã hội	111.622.530	-	125.895.764	-
Tạm ứng	72.917.135	-	197.334.425	-
Các đối tượng khác	165.981.067	(48.768.977)	122.233.096	(48.768.977)
	524.990.824	(223.239.069)	714.813.072	(223.239.069)

5.5 Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty Bảo Hiểm Bảo Việt Kiên Giang	Trên 3 năm	174.470.092	-	Trên 2 năm	174.470.092	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	60.928.110	-	Trên 2 năm	55.308.977	-
		235.398.202	-		229.779.069	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu bán hàng VND	Nợ phải thu khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017	(6.540.000)	(223.239.069)	(229.779.069)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(5.619.133)	(5.619.133)
Tại ngày 31/12/2017	(6.540.000)	(228.858.202)	(235.398.202)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi đường	-	-	114.407.632	-
Nguyên vật liệu	14.486.391.935	(120.927.240)	12.535.920.045	(114.743.205)
Công cụ dụng cụ	313.566.423	-	275.081.775	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.518.462.382	-	8.445.957.109	-
Thành phẩm	2.639.849.645	(250.569.629)	3.430.282.236	(102.099.521)
	24.958.270.385	(371.496.869)	24.801.648.797	(216.842.726)

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	138.544.315	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	500.265.538	-
	638.809.853	-

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	142.162.813	200.137.345
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.308.235.403	-
	1.450.398.216	200.137.345

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2017	22.253.940.464	111.134.498.245	3.113.825.612	1.017.769.186	137.520.033.507
Mua sắm trong năm	-	8.297.355.230	-	111.472.500	8.408.827.730
Đầu tư XDCB hoàn thành	523.244.275	-	-	-	523.244.275
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(42.372.000)	(42.372.000)
Tại ngày 31/12/2017	22.777.184.739	119.431.853.475	3.113.825.612	1.086.869.686	146.409.733.512
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2017	16.433.160.465	83.347.942.488	2.309.366.120	867.699.786	102.958.168.859
Khấu hao trong năm	468.390.086	3.488.415.287	143.981.772	35.530.907	4.136.318.052
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(42.372.000)	(42.372.000)
Tại ngày 31/12/2017	16.901.550.551	86.836.357.775	2.453.347.892	860.858.693	107.052.114.911
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	5.820.779.999	27.786.555.757	804.459.492	150.069.400	34.561.864.648
Tại ngày 31/12/2017	5.875.634.188	32.595.495.700	660.477.720	226.010.993	39.357.618.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	11.793.370.632	61.564.273.310	1.102.685.830	629.981.186	75.090.310.958
Tại ngày 31/12/2017	12.147.121.273	61.564.273.310	1.102.685.830	587.609.186	75.401.689.599

Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay:

Tại ngày 01/01/2017	5.820.779.999	27.786.555.757	804.459.492	150.069.400	34.561.864.648
Tại ngày 31/12/2017	5.875.634.188	32.595.495.700	660.477.720	226.010.993	39.357.618.601

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	150.252.000	46.794.189	197.046.189
Mua trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	150.252.000	46.794.189	197.046.189
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	13.021.228	46.794.189	59.815.417
Khấu hao trong năm	3.004.836	-	3.004.836
Tại ngày 31/12/2017	16.026.064	46.794.189	62.820.253
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	137.230.772	-	137.230.772
Tại ngày 31/12/2017	134.225.936	-	134.225.936

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	-	46.794.189	46.794.189
Tại ngày 31/12/2017	-	46.794.189	46.794.189

Quyền sử dụng đất tại khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hàng năm.

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2017	Phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng tài sản trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản	1.700.227	4.415.920.070	(3.922.395.230)	-	495.225.067
Xây dựng nhà xưởng	-	523.244.275	(523.244.275)	-	-
Chi phí sửa chữa tài sản	-	1.414.550.365	-	(1.414.550.365)	-
	1.700.227	6.353.714.710	(4.445.639.505)	(1.414.550.365)	495.225.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.11 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên	1.005.200.000	-	(*)	1.005.200.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Xi Măng Kiên Giang	1.200.000.000	-	(*)	1.200.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang	1.400.000.000	-	(*)	1.400.000.000	-	(*)
	3.605.200.000	-		3.605.200.000	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.12 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	01/01/2017 VND	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm VND	31/12/2017 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	22.455.911	54.601.684	77.057.595

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Hoá chất Nhựa Đà Nẵng	815.000.000	822.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	-	816.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Công Nghệ Nhựa Á Châu	59.950.000	812.570.000
Công ty Cổ phần Hoá Chất HP	853.461.000	970.500.000
Công ty TNHH Tân Vinh Thái	262.645.000	947.912.900
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Petrolimex	2.994.950.000	-
Các nhà cung cấp khác	2.639.749.213	3.479.379.028
	7.625.755.213	7.848.361.928

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017	Số phát sinh trong năm		31/12/2017
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.505.251.830	(2.505.251.830)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	40.727.469	(40.727.469)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	218.538.334	463.258.893	(661.868.578)	19.928.649
Thuế thu nhập cá nhân	-	175.161.889	(175.161.889)	-
Tiền thuê đất	-	53.046.800	(53.046.800)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	218.538.334	3.240.446.881	(3.439.056.566)	19.928.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu:

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014 đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là "TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.549.321.970	4.522.050.008
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	786.152.170	1.048.148.591
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.688.541.984)	(957.389.261)
Thu nhập chịu thuế	2.646.932.156	4.612.809.338
Chuyển lỗ trong năm	-	(1.888.128.964)
Thu nhập tính thuế	2.646.932.156	2.724.680.374
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	529.386.432	544.936.075
Thuế TNDN được miễn do đầu tư mở rộng	(66.127.539)	(86.811.043)
Tổng thuế TNDN còn phải nộp	463.258.893	458.125.032

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Chi phí hỗ trợ công tác bán hàng	-	219.410.814
Phải trả cổ tức cho cổ đông	612.563.131	68.743.487
Các khoản phải trả khác	432.983.320	492.732.923
	1.045.546.451	780.887.224

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ngân hàng Vietcombank	37.184.737.971	37.184.737.971	26.827.219.360	26.827.219.360
Vay dài hạn đến hạn trả	800.272.000	800.272.000	-	-
	37.985.009.971	37.985.009.971	26.827.219.360	26.827.219.360

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng hiện còn số dư như sau:

	Hạn mức VND	Lãi suất (năm)	31/12/2017 VND
Ngân hàng Vietcombank	60.000.000.000	3,6% - 6,8%	37.184.737.971

Đây là các khoản vay tại các ngân hàng có thời hạn dưới 12 tháng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Các khoản vay ngắn hạn được bảo đảm bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số 5.8).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2017 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	26.827.219.360	90.296.995.351	- (79.939.476.740)		37.184.737.971
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	800.272.000	-	800.272.000
	26.827.219.360	90.296.995.351	800.272.000	(79.939.476.740)	37.985.009.971

5.16.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Vietcombank – lãi suất 6,3%/năm	4.133.223.000	4.133.223.000	1.253.450.000	1.253.450.000
Ngân hàng Vietinbnak – lãi suất 7,5%/năm	1.429.328.000	1.429.328.000	3.143.218.000	3.143.218.000
	5.562.551.000	5.562.551.000	4.396.668.000	4.396.668.000

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	6.362.823.000	800.272.000	5.562.551.000
Tại ngày 01/01/2017			
Vay dài hạn ngân hàng	4.396.668.000	-	4.396.668.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2017	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2017
	VND	VND		VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	4.396.668.000	3.680.045.000	(800.272.000)	(1.713.890.000)	5.562.551.000

5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2017 VND	2016 VND
Số dư ngày 01 tháng 01	871.924.578	426.704.492
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	492.199.428	813.535.086
Chi quỹ trong năm	(480.133.000)	(368.315.000)
Số dư ngày 31 tháng 12	883.991.006	871.924.578

5.18 Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	40.000.000.000	3.998.703	6.671.889.963	(1.819.334.191)	44.856.554.475
Lãi trong năm 2016	-	-	-	4.090.233.907	4.090.233.907
Trích lập quỹ	-	-	113.544.986	(113.544.986)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(813.535.086)	(813.535.086)
Tại ngày 31/12/2016	40.000.000.000	3.998.703	6.785.434.949	1.343.819.644	48.133.253.296
Tại ngày 01/01/2017	40.000.000.000	3.998.703	6.785.434.949	1.343.819.644	48.133.253.296
Lãi trong năm 2017	-	-	-	3.140.664.761	3.140.664.761
Trích lập quỹ	-	-	-	(1.343.819.644)	(1.343.819.644)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(492.199.428)	(492.199.428)
Tại ngày 31/12/2017	40.000.000.000	3.998.703	6.785.434.949	2.648.465.333	49.437.898.985

5.18.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng HUD Kiên Giang	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	15.380.500.000	38,45%	15.380.500.000	38,45%
Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang	4.000.000.000	10,00%	4.000.000.000	10,00%
Các tổ chức, cá nhân khác	5.239.000.000	13,10%	5.239.000.000	13,10%
	40.000.000.000	100%	40.000.000.000	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	<u>4.000.000</u>	<u>4.000.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 và tạm trích quỹ theo điều lệ như sau:

	VND
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016	1.343.819.644
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2017	492.199.428

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vật tư hàng hoá nhận giữ gia công, giữ hộ: 180.520.491 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 180.520.491 VND).

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	210.733,57	32.895,73
Euro (EUR)	598,67	609,29

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 Nguyên nhân xóa số VND
Nợ khó đòi đã xử lý	7.804.181	7.804.181 Không thu hồi được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	127.469.923.959	121.606.756.231
Không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan		

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn bán hàng	110.108.210.592	104.924.911.830
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	154.654.143	124.463.310
	<u>110.262.864.735</u>	<u>105.049.375.140</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.537.711	10.976.404
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.674.202.094	842.022.819
Lãi chênh lệch tỷ giá	235.468.476	515.210.634
	<u>1.919.208.281</u>	<u>1.368.209.857</u>

6.4 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	2.407.223.503	2.146.558.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá	90.551.818	144.335.158
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	8.187.727	70.413.132
	<u>2.505.963.048</u>	<u>2.361.306.709</u>

6.5 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	1.614.320.420	1.535.018.593
Chi phí vận chuyển	1.425.289.861	1.269.099.807
Chi phí bán hàng khác	1.028.553.317	1.366.547.509
	<u>4.068.163.598</u>	<u>4.170.665.909</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.936.222.511	3.994.173.119
Chi phí quản lý khác	3.328.427.970	2.716.370.662
	<u>9.264.650.481</u>	<u>6.710.543.781</u>

6.7 Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, bến bãi	76.363.636	113.019.454
Thu nhập từ xử lý công nợ	132.000.000	-
Các khoản thu nhập khác	320.668.571	63.789.242
	<u>529.032.207</u>	<u>176.808.696</u>

6.8 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	266.666.664	320.555.551
Các khoản chi phí khác	533.951	17.277.686
	<u>267.200.615</u>	<u>337.833.237</u>

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(54.601.684)	(43.368.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	17.059.614
	<u>(54.601.684)</u>	<u>(26.308.931)</u>

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.140.664.761	4.090.233.907
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(492.199.428)	(813.535.086)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.648.465.333	3.276.698.821
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	4.000.000	4.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>662</u>	<u>819</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	84.942.120.705	79.783.034.287
Chi phí nhân công	25.749.415.673	24.249.879.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.139.322.888	3.855.399.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.942.667.099	9.130.990.642
Chi phí bằng tiền khác	2.003.973.321	2.042.237.137
	126.777.499.686	119.061.540.877

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	93.970.614.609	72.033.433.441

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	81.645.286.740	82.847.578.311

8 MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính. Ban Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	37.985.009.971	5.562.551.000	43.547.560.971
Phải trả người bán	7.625.755.213	-	7.625.755.213
Phải trả khác và chi phí phải trả	964.745.651	-	964.745.651
	46.575.510.835	5.562.551.000	52.138.061.835
Ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	26.827.219.360	4.396.668.000	31.223.887.360
Phải trả người bán	7.848.361.928	-	7.848.361.928
Phải trả khác và chi phí phải trả	733.668.945	-	733.668.945
	35.409.250.233	4.396.668.000	39.805.918.233

.895
ÔNG
NHIỆ
IỂM
VI
HI N
CÁI
NG

M.S.D.N.T
H. KIẾN

T.C.P
KIẾN GIANG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố tài sản cố định hữu hình của mình vào các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 (xem tại thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	24.535.142.603	25.462.254.297	24.535.142.603	25.462.254.297
Các khoản phải thu khác	296.132.622	491.574.003	296.132.622	491.574.003
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền	9.941.848.394	3.286.580.626	9.941.848.394	3.286.580.626
	34.773.123.619	29.240.408.926	34.773.123.619	29.240.408.926
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	43.547.560.971	31.223.887.360	43.547.560.971	31.223.887.360
Phải trả người bán	7.625.755.213	7.848.361.928	7.625.755.213	7.848.361.928
Phải trả khác và chi phí phải trả	964.745.651	733.668.945	964.745.651	733.668.945
	52.138.061.835	39.805.918.233	52.138.061.835	39.805.918.233

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2017 VND	2016 VND
Tiền lương và thưởng	1.277.860.000	568.000.000
Thù lao	140.000.000	202.222.222
	1.417.860.000	770.222.222

9.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	2017 VND	2016 VND
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng HUD Kiên Giang	Chia cổ tức	307.610.000	-
	Mua hàng/dịch vụ	155.389.094	1.767.951.001
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Chia cổ tức	307.610.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất bao bì.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tiêu thụ nội địa và xuất khẩu bao bì.

2017	Hoạt động xuất khẩu VND	Tiêu thụ nội địa VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	62.605.843.844	65.393.112.322	127.998.956.166
Chi phí phân bổ	(55.920.694.361)	(58.410.333.972)	(114.331.028.333)
Kết quả kinh doanh bộ phận	6.685.149.483	6.982.778.350	13.667.927.833
Chi phí không phân bổ			(9.531.851.096)
Thu nhập hoạt động tài chính			1.919.208.281
Chi phí hoạt động tài chính			(2.505.963.048)
Lợi nhuận trước thuế			3.549.321.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(463.258.893)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			54.601.684
Lợi nhuận sau thuế TNDN			3.140.664.761
Vào ngày 31/12/2017			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	16.386.634.264	9.075.620.033	25.462.254.297
Tài sản không phân bổ			80.732.273.904
Tổng tài sản			106.194.528.201
Nợ phải trả không phân bổ			51.194.078.216
Tổng nợ phải trả			51.194.078.216
2016			
Doanh thu thuần	52.681.291.597	69.102.273.330	121.783.564.927
Chi phí phân bổ	(47.246.546.233)	(61.973.494.816)	(109.220.041.049)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.434.745.364	7.128.778.514	12.563.523.878
Chi phí không phân bổ			(7.048.377.018)
Thu nhập hoạt động tài chính			1.368.209.857
Chi phí hoạt động tài chính			(2.361.306.709)
Lợi nhuận trước thuế			4.522.050.008
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(458.125.032)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			26.308.931
Lợi nhuận sau thuế TNDN			4.090.233.907
Vào ngày 31/12/2016			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	14.104.040.049	11.358.214.248	25.462.254.297
Tài sản không phân bổ			68.152.171.679
Tổng tài sản			93.614.425.976
Nợ phải trả không phân bổ			41.084.504.680
Tổng nợ phải trả			41.084.504.680

2.C.T. HẠN 1M CÁN T

0786- TY HẠN BÌ TIỀN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017

9.4 Số liệu so sánh

Công ty trình bày lại khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trong năm theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính:


	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	121.606.947.140	(190.909)	121.606.756.231
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	190.909	(190.909)	-

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


QUÁCH VIỆT HÙNG
Người lập biểu


VĂN NGỌC LƯU
Kế toán trưởng


NGUYỄN HỮU ĐỨC
Giám đốc
Kiên Giang, ngày 22 tháng 03 năm 2018



DỰ TOÁN PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2017

TT	NỘI DUNG	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
I	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
1	Lợi nhuận được phân phối			
	Lợi nhuận kế hoạch 2017		3,000,000,000	
	Lợi nhuận thực hiện 2017		3,140,664,761	
	Lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch 2017		140,664,761	4.7%
	Khoản lợi nhuận không được phân phối		-	
	Tổng lợi nhuận được phân phối		3,140,664,761	
2	Phân phối lợi nhuận		3,140,664,761	
	Trích 5% LN được phân phối vào quỹ ĐT&PT		157,033,238	
	Trích 15% LN thực hiện 2017 vào quỹ KT-PL		471,099,714	
	Trích 15% LN vượt kế hoạch 2017 vào quỹ thưởng Ban Điều hành		21,099,714	
	Lợi nhuận còn lại để trả cổ tức	6.2%	2,491,432,095	
II	TRẢ CỔ TỨC			
1	Nguồn chi trả			
	Cổ tức năm 2016 còn giữ lại	1.53%	612,563,131	
	Cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	6.23%	2,491,432,095	
	Tổng cộng	7.76%	3,103,995,226	
2	Chi trả cổ tức			
	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	6.0%	2,400,000,000	
	Cổ tức còn giữ lại	1.76%	703,995,226	

Ghi chú: dự kiến trả cổ tức sau khi ĐHCĐ 2018

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM. HĐQT

.....
(DỰ THẢO)

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (NĂM 2017)

Căn cứ Điều lệ công ty CP Bao Bì Hà tiên đã được ĐHCĐ thông qua ngày 30/03/2015; Căn cứ vào Chức năng, nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại điều lệ công ty; HĐQT công ty xin báo cáo ĐHCĐ quá trình thực thi chức năng, nhiệm vụ của HĐQT trong năm như sau:

I. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017.

Hội đồng quản trị Công ty hiện nay gồm 5 thành viên như sau:

Ông Phan Minh Hoàng	Chủ tịch chuyên trách
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên, Giám đốc công ty
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên
Ông Trần Văn Xuân	Thành viên
Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên

Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 kỳ họp để đánh giá kết quả hoạt động của Công ty, định hướng hoạt động cho kỳ tiếp theo đồng thời xem xét, phê duyệt các chủ trương của công ty đề xuất nhằm ổn định và phát triển hoạt động SXKD của Công ty. Các thành viên tham dự các cuộc họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phan Minh Hoàng	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	4/4	100%	
3	Ông Trần Văn Xuân	Thành viên	4/4	100%	
4	Ông Cái Hồng Thu	Thành viên	3/4	75%	Bận công việc ở đơn vị chủ quản
5	Ông Trương Thanh Hiếu	Thành viên	4/4	100%	

Hội đồng quản trị đã ra 4 nghị quyết để Công ty thực hiện, các nghị quyết cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	22 /NQ-HĐQT	20/01/2017	Thông qua báo cáo tổng kết năm 2016, báo cáo tài chính, chỉ tiêu kế hoạch 2017, dự kiến tổ chức ĐHCĐ
2	23 /NQ-HĐQT	17/04/2017	Thông qua báo cáo quý 1, báo cáo tài chính quý 1, kế hoạch hoạt động quý 2, kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2017
3	24 /NQ-HĐQT	27/08/2017	Thông qua báo cáo quý 2, báo cáo tài chính quý 2, kế hoạch hoạt động quý 3; thông qua một số nhiệm vụ trọng tâm quý 3
4	25 /NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua báo cáo quý 3, báo cáo tài chính quý 3, kế hoạch hoạt động quý 4 và một số nhiệm vụ trọng tâm quý 4

II. Báo cáo giám sát hoạt động của Công ty

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

*** Thuận lợi**

- Doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng **49,1%** doanh thu thuần nên đảm bảo đủ nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu nguyên liệu; lãi suất vay ngân hàng ổn định và công ty đã tiếp cận được nhiều gói vay với lãi suất thấp, giúp công ty giảm được chi phí tài chính.

- Công ty có nhiều khách hàng lớn, nhiều đầu mối tiêu thụ nên đầu ra tương đối ổn định. Chất lượng, mẫu mã sản phẩm của công ty đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, bên cạnh đó công tác phát triển thị trường được đẩy mạnh nên cũng cải thiện được phần nào sản lượng tiêu thụ

- Công tác đào tạo nhân lực được chú trọng; các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất được công ty trân trọng và khen thưởng kịp thời nên đã pháp huy được tinh thần sáng tạo của CB-CNV, đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực.

*** Khó khăn**

- Giá nguyên liệu PP tăng cao so với các năm trước và duy trì ở mức cao; các chi phí đầu vào lương cơ bản, BHXH, giá xăng dầu,... tiếp tục tăng tác động lớn đến mục tiêu giảm giá thành của công ty

- Cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng tăng: thị trường trong nước xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh có tiềm lực mạnh, thị trường ngoài nước thì gặp phải sự cạnh tranh quyết liệt về giá từ các nhà cung cấp Ấn Độ nên sản lượng bị suy giảm

- Cơ cấu sản phẩm thay đổi đáng kể dẫn đến công ty khai thác chưa hết nguồn lực, năng lực sản xuất bao nhỏ thì còn dư thừa, trong khi đó đơn hàng

bao lớn thì vượt nhiều so với năng lực sản xuất của công ty

- Các khách hàng mua vỏ bao xi măng chuyển sang sử dụng loại bao dán nên sản lượng bao xi măng ngày càng giảm sút; xuất khẩu vào thị trường Tây Ban Nha gặp trở ngại về giá do sự cạnh tranh của các đối thủ từ Ấn Độ

- Vốn vay ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn vốn nên chi phí tài chính phát sinh khá lớn, bên cạnh đó công ty vay vốn để đầu tư thiết bị nên cũng làm tăng chi phí tài chính.

- Một số thiết bị hết khấu hao chưa kịp thay mới nên chi phí bảo trì sửa chữa tăng cao, năng suất đạt được không cao, tỷ lệ phế liệu phế phẩm lớn.

- Công tác quản lý chất lượng sản phẩm còn sai sót, khách hàng còn than phiền. Thực hiện định mức sản xuất và định lượng sản phẩm chưa tốt, phế liệu phế phẩm cao làm tăng chi phí sản xuất.

*** Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch**

Sản lượng tiêu thụ (quy đổi) đạt: **33,5** triệu bao, so với kế hoạch đạt 108,4%.

Tổng doanh thu đạt **129,9** tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 99,6%

Lợi nhuận **3,14** tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 104,7%

2. Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Về hoạt động sản xuất kinh: công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra

- Về đầu tư mua sắm tài sản: công ty đã triển khai đầu tư mua sắm theo chủ trương đã được phê duyệt, trong đó đã đầu tư mua sắm tài sản cố định trong năm là **8,93** tỷ đồng (bao gồm phần đầu tư dở dang năm 2016 chuyển sang)

- Các vấn đề khác công ty cũng đã thực hiện đúng theo tinh thần của nghị quyết đề ra

3. Đánh giá giám sát đối với Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.

Ban Giám đốc công ty có hai thành viên, trong đó có 1 thành viên đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị. Năm qua Ban Giám đốc công ty với sự giúp sức của các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật, triển khai đúng theo tinh thần nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn mà Hội đồng quản trị đã giao. Nhìn chung Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. Những định hướng hoạt động cho năm 2018.

1. Dự báo tình hình:

- Giá nguyên liệu PP tăng theo giá dầu thô, diễn biến khó lường và sẽ cầm cự ở mức cao

- Tỷ giá USD/VND dần biến động, dự kiến tăng khoảng 4%

- Chi phí đầu vào tiếp tục tăng do giá điện, chi phí nhân công, chi phí làm hàng xuất nhập khẩu,... tiếp tục tăng trong khi đó giá bán đầu ra lại tăng thấp hơn so với mức độ tăng chi phí

- Cạnh tranh mua bán trong và ngoài nước ngày càng gay gắt, áp lực giảm giá bán sản phẩm lớn; mặt khác khách mua hàng yêu cầu chất lượng ngày càng cao và phải đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm.

- Sản lượng bao bigbag tiếp tục ổn định nhất là thị trường nội địa; bên cạnh đó công ty sẽ xúc tiến thị trường để tăng cường thị phần bao nông sản, BoPP nhằm bù đắp sản lượng bao xi măng bị suy giảm và khai thác hết công suất thiết bị hiện hữu

2. Định hướng hoạt động năm 2018:

-Đẩy mạnh công tác thị trường, gia tăng thị phần bao bigbag để đạt sản lượng 80.000 – 100.000 cái/tháng

- Tiếp tục thực hiện tái cấu trúc toàn diện công ty, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, kiểm soát định mức tiêu hao, kiểm soát phế liệu phế phẩm, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động để có được giá chào bán tương đương các đối thủ trong nước và quốc tế giành được số lượng đơn hàng cần thiết để tiếp tục củng cố và phát triển công ty trong thời gian tới.

- Chú trọng đời sống của người lao động, tạo điều kiện để người lao động nâng cao thu nhập, giải quyết hài hòa lợi ích của người lao động và cổ đông.

-Thực hiện đổi mới công nghệ tiến tới đổi mới toàn bộ thiết bị cũ, lạc hậu của công ty. **Công nghệ mới được lựa chọn phải phù hợp yêu cầu sản xuất và chi phí sử dụng.**

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo liên tục, đào tạo lại, cập nhật bồi dưỡng kiến thức.

- Tăng cường công tác tổ chức, hợp lý hoá sản xuất, công tác thị trường; cải tiến nâng cao công tác quản lý của công ty.

- Tiếp tục duy trì và phát huy có hiệu quả thiết bị hiện hữu, sửa chữa lại nhà xưởng đảm bảo khai thác ở mức công suất cao nhất (thiết bị phải đạt từ 80% công suất thiết kế khi vận hành thực tế)

- Tái đánh giá, nâng cấp và đưa ISO 9001, 14001 và FSSC 22000 đi vào chiều sâu

HĐQT công ty sẽ theo dõi sát tình hình công ty và những điều chỉnh trong chính sách vĩ mô của nhà nước để có những quyết sách kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. HĐQT công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó của các cổ đông và tập thể cán bộ nhân viên công ty, HĐQT sẽ nỗ lực hết sức để đưa công ty vượt qua khó khăn, thách thức và phát triển.

Kiên Lương, ngày tháng 03 năm 2018

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Kiên Giang, ngày 04 tháng 04 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
về công tác kiểm tra giám sát hoạt động Công ty CP Bao Bì Hà Tiên
năm 2017

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và điều lệ hoạt của Công ty CP Bao Bì Hà Tiên.
- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ của ban kiểm soát, được quy định trong điều lệ .
- Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Bao Bì Hà Tiên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt nam;

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội cổ đông về kết quả kiểm tra giám sát các hoạt động năm 2017 Công ty CP Bao Bì Hà Tiên như sau:

I- HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Nội dung kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong năm tài chính bao gồm các mặt hoạt động như sau:

- Giám sát thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban giám đốc (BGĐ).
- Giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết đại hội cổ đông, nghị quyết HDQT;
- Tham gia ý kiến với HDQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty với HDQT.
- Xem xét báo cáo tài chính năm 2017.
- Xem xét báo cáo kết quả hoạt động của HDQT và báo cáo của giám đốc trình đại hội cổ đông.

II- KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT :

1. Việc lập và kiểm toán báo cáo tài chính :

- Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan.
- Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán ngày 22/03/2018 bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Số liệu đã được Ban kiểm soát kiểm tra.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

2.1 Tình hình sản xuất và tiêu thụ:

- Sản lượng sản xuất bao các loại (quy đổi): 33.768.472cái /30.952.720 cái đạt 109,1 % Kế hoạch.năm 2017 và bằng 108,5% so với năm 2016

- Sản lượng tiêu thụ bao các loại (quy đổi): 33.560.416 cái/ 30.952.720 cái đạt 108,42 % Kế hoạch.năm 2017 và bằng 108,95% so với năm 2016

2.2 Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2017
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	127.469.923.959
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-
3 Doanh thu thuần	10	127.469.923.959
4 Giá vốn hàng bán	11	110.262.864.735
5 Lợi nhuận gộp	20	17.207.059.224
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.919.208.281
7 Chi phí tài chính	22	2.505.963.048
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	2.407.223.503
8 Chi phí bán hàng	24	4.068.163.598
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9.264.650.481
10 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	3.287.490.378
11 Thu nhập khác	31	529.032.207
12 Chi phí khác	32	267.200.615
13 Lợi nhuận khác	40	261.831.592
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	3.549.321.970
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	463.258.893
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(54.601.684)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	3.140.664.761
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	662

• Phân phối lợi nhuận sau thuế:

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, cụ thể như sau:

+Lợi nhuận sau thuế năm 2017:	3.140.664.761 đồng
+ Trích lập các quỹ:	649.232.666 đồng
*Trích quỹ Đầu tư phát triển 5%	157.033.238 đồng
*Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 15%	471.099.714 đồng
*Trích thưởng Ban QL điều hành 15% vượt kế hoạch	21.099.714 đồng
+Lợi nhuận còn lại sau khi trích các quỹ	2.491.432.095 đồng
+Tỷ lệ cổ tức năm 2017	6,2%
+Lợi nhuận giữ lại của năm trước	612.563.131 đồng
+Tổng lợi nhuận chưa chia cổ tức đến 31/12/2017	3.103.995.226 đồng

+Tỷ lệ cổ tức chưa chia đến 31/12/2017

7,76%

3. Tình hình tài chính :

3.1 Báo cáo tóm tắt tài chính tại ngày 31/12/2017:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	%
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	61.074.802.786	55.085.837.073	110,87
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9.941.848.394	3.286.580.626	
Các khoản phải thu	130	24.998.300.926	26.127.225.740	
Hàng tồn kho	140	24.586.773.516	24.584.806.071	
Tài sản ngắn hạn khác	150	1.547.880.250	1.087.224.636	
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	45.119.725.415	38.528.588.903	117,11
Tài sản cố định	220	39.491.844.537	34.699.095.420	
Tài sản dở dang dài hạn	240	495.225.067	1.700.227	
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	3.605.200.000	3.605.200.000	
Tài sản dài hạn khác	260	1.527.455.811	222.593.256	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	106.194.528.201	93.614.425.976	113,44
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300	56.756.629.216	45.481.172.680	124,79
Nợ ngắn hạn	310	51.194.078.216	41.084.504.680	124,61
Nợ dài hạn	330	5.562.551.000	4.396.668.000	126,52
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	49.437.898.985	48.133.253.296	102,71
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	40.000.000.000	40.000.000.000	
Thặng dư cổ phần	412	3.998.703	3.998.703	
Quỹ đầu tư phát triển	418	6.785.434.949	6.785.434.949	
Lợi nhuận chưa phân phối	421	2.648.465.333	1.343.819.644	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	106.194.528.201	93.614.425.976	113,44

4. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản :

Chỉ tiêu	Đvt	Số liệu
Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,19

(TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)		
Khả năng thanh toán nhanh (Tiền+phải thu+đầu tư ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,71
Tỷ số nợ		
Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu	lần	1,15
Tỷ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,42
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,96
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,46
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,85

- Khả năng thanh toán ngắn hạn là $1,19 > 1$ cho thấy Công ty có khả năng đảm bảo thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên Khả năng thanh toán nhanh chỉ đạt $0,71 < 1$, cho thấy Công ty không đủ các tài sản ngắn hạn để trả cho các khoản nợ ngắn hạn khi không bán được hàng tồn kho.

- Tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu là 1,15 lần, cho thấy tài sản của Công ty được tài trợ chủ yếu bởi các nguồn nợ phải trả.

- Các chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản : 2,96%; lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần: 2,46%; lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: 7,85% cho thấy Công ty kinh doanh có hiệu quả nhưng chưa cao.

5. Tình hình công nợ :

- Công nợ phải thu : số dư nợ phải thu đến ngày 31/12/2017 là 24 tỷ đồng, chiếm 23,54%/ tổng tài sản.

- Công nợ phải trả tại ngày 31/12/2017 là 56,75 tỷ đồng, tỷ lệ nợ/vốn điều lệ là 1,42 lần.

6. Tình hình thực hiện nghị quyết đại hội cổ đông năm 2017:

- Về phương án sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đạt các chỉ tiêu chính theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đ.v.t	Nghị quyết	Thực hiện	Tỷ lệ %
1	Doanh thu	Tr.đ	130.492	127.469	97,68
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	3.500	3.549	101,4
5	Tỷ lệ Cổ tức/VĐL	%	6 %	6,2%	103,33
6	Tiền lương Ban điều hành	Tr.đ	1.396	1.396	100
7	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký	Tr.đ	267	267	100

- Về phương án đầu tư máy móc thiết bị:

Đvt: đồng

TT	Nội dung đầu tư	Đ.v.t, SL	Nghị quyết	Thực hiện	Ghi chú
1	Máy dệt dây đai bản 7,5 cm	2 cái	500.000.000	498.552.000	
2	Máy vi tính (máy chủ Phòng kế toán)	1 cái	85.000.000	65.160.000	
3	Khôi phục máy tráng màng củ (miệng khuôn, xy lanh và trục vít)	1 cái	3.000.000.000	280.157.750	
4	Bộ xếp chỉ máy tạo sợi		1.300.000.000	562.350.000	23.400 USD
5	Máy đập lỗ vách ngăn bigbag	1 cái	334.000.000	Chưa thực hiện	
6	Máy Khắc bản in Cao su	1 cái	100.000.000	Chưa thực hiện	
7	Đầu máy mayDN -2HS	2 cái	200.000.000	Chưa thực hiện	
8	Máy dệt vải bi bag 6-8 thoi	6 cái	6.000.000.000	Chưa thực hiện	
9	Hệ thống camera	1 cái	400.000.000	Chưa thực hiện	

7. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã cố gắng thực hiện trách nhiệm của mình trên cương vị được giao, triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, Trong năm hội đồng quản trị đã họp 4 lần và đã ra Nghị quyết để ban điều hành thực hiện.

1. Về trình tự thủ tục đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thời gian tổ chức họp của HĐQT vào giữa mỗi quý, tháng sau để nắm tình hình hoạt động SXKD và đề ra Nghị quyết để Ban giám đốc điều hành thực hiện cho quý, tháng tiếp theo.

2. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận có sự bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT đều có sự thống nhất cao của các thành viên.

3. Kết quả là đa số các nội dung trong Nghị quyết đều được thực hiện, tuy nhiên còn một số nội dung của Nghị quyết thực hiện chưa đạt. Như phương án đầu tư

8. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

Ban Giám đốc đã điều hành hoàn thành kế hoạch SXKD được Đại hội cổ đông thông qua về doanh thu, sản lượng, lợi nhuận và cổ tức.

- Hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ, nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT; nhưng chưa đạt hiệu quả cao về chỉ tiêu lợi nhuận.

- Đã thực hiện xây dựng kế hoạch SXKD, kế hoạch tiền lương phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình thực tế của Công ty và thông qua HĐQT phê duyệt để thực hiện.

9. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BGD và các cán bộ quản lý:

Nhìn chung trong năm 2017, BKS đã được HĐQT, ban giám đốc và các phòng ban trong công ty tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ. BKS được cung cấp đầy đủ các thông tin về nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2017.

III- KIẾN NGHỊ CỦA BKS:

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ nhằm đảm bảo về tài chính cho hoạt động của Công ty.

- Rà soát, ban hành, bổ sung một số quy chế quản lý cho phù hợp với quy định hiện hành.

- Cần Rà soát lại phương án đầu tư máy móc, thiết bị trước khi trình đại hội đồng cổ đông thường niên

Trên đây là báo cáo kết quả kiểm soát tình hình SXKD và thực hiện Nghị quyết của HĐQT năm 2017 của Công ty Cổ phần Bao Bì Hà Tiên.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Văn Út



BÁO CÁO THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG CỦA HĐQT, BKS NĂM 2017 VÀ ĐỀ NGHỊ MỨC THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG NĂM 2018

I. Báo cáo chi tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017

Căn cứ vào mức thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong năm, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty đã được chi như sau:

CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	TL/THÙ LAO 1 THÁNG	TỔNG MỨC TL/THÙ LAO	GHI CHÚ
1. HĐQT				
Chủ tịch HĐQT	1 người	32,4 tr.đ/tháng	388,8 tr.đồng	tiền lương chuyên trách
Thành viên HĐQT- GD	1 người			k.hưởng thù lao
Thành viên HĐQT	3 người	3,5 tr.đ/tháng	126 tr.đồng	tiền thù lao
Thư ký HĐQT	1 người	2,0 tr.đ/tháng	24 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			538,8 tr.đồng	
2. BKS				
Trưởng BKS	1 người	3,5 tr.đ/tháng	42 tr.đồng	tiền thù lao
Thành viên BKS	2 người	2,0 tr.đ/tháng	48 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			90 tr.đồng	
Tổng cộng			628,8 tr.đồng	

Ghi chú: Mức thù lao trên (trừ tiền lương chuyên trách) là thu nhập thực nhận đã trừ thuế TNCN 10%

II. Đề nghị mức tiền lương, thù lao năm 2018

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng tài chính của công ty, đề nghị Đại hội cổ đông xem xét thông qua mức tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS như sau:

CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	TL/THÙ LAO 1 THÁNG	TỔNG MỨC TL/THÙ LAO	GHI CHÚ
1. HĐQT				
Chủ tịch HĐQT	1 người	32,4 tr.đ/tháng	388,8 tr.đồng	tiền lương chuyên trách
Thành viên HĐQT- GD	1 người			k.hưởng thù lao
Thành viên HĐQT	3 người	3,5 tr.đ/tháng	126 tr.đồng	tiền thù lao
Thư ký HĐQT	1 người	2,0 tr.đ/tháng	24 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			538,8 tr.đồng	
2. BKS				
Trưởng BKS	1 người	3,5 tr.đ/tháng	42 tr.đồng	tiền thù lao
Thành viên BKS	2 người	2,0 tr.đ/tháng	48 tr.đồng	tiền thù lao
Cộng			90 tr.đồng	
Tổng cộng			628,8 tr.đồng	

Ghi chú: Mức thù lao trên (trừ tiền lương chuyên trách) là thu nhập thực nhận đã trừ thuế TNCN 10%

Mức tiền lương, thù lao trên được áp dụng kể từ ngày 01/01/2018, kính trình Đại hội cổ đông xem xét.

Kiên Lương, ngày tháng 04 năm 2018
CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM.HDQT



Kiên Lương, ngày tháng 04 năm 2018

ĐỀ NGHỊ

(V/v chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2018)

Kính gửi: ĐHCĐ Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

Theo Điều lệ Công ty, việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán BCTC phải được ĐHCĐ thường niên thông qua, trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát công ty. Vì vậy, Ban kiểm soát công ty, xin đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

Năm 2017 công ty đã chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** Đc: *Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ* để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017, mức phí kiểm toán là **40 triệu đồng** chưa bao gồm VAT.

Qua thực hiện công tác kiểm toán, chúng tôi đánh giá đơn vị đã thực hiện tốt công tác kiểm toán. Trong quá trình thực hiện kiểm toán, đơn vị đã có một số đề xuất quan trọng góp phần giúp công ty quản lý tốt rủi ro, trong năm cũng thường xuyên thông tin cho công ty về những chính sách mới ban hành để cập nhật kịp thời.

Theo đề nghị của công ty, **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** đã báo giá thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018 là **40 triệu đồng**, chưa bao gồm VAT (bằng với giá kiểm toán năm 2017).

Xét đây là đơn vị có năng lực và mức giá kiểm toán cũng hợp lý, kính trình ĐHCĐ tiếp tục lựa chọn **Công ty TNHH Kiểm toán AFC VN – Chi nhánh Cần Thơ** để thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018 của công ty với mức giá thực hiện như trên.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét.

Trân trọng kính trình.

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN
TM.BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Tên người đại diện vốn :
- Tên cổ đông (tổ chức) :
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax :
- Tổng số cổ phần sở hữu :
- Bằng số: cổ phần.
- Bằng chữ :
- Chiếm : % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Chúng tôi đề cử Ông : tham gia ứng cử vào:
Công ty cổ phần bao bì Hà Tiên .

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

NGƯỜI ĐỀ CỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2018

ĐƠN ĐỀ CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Chúng tôi là nhóm cổ đông :

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

Cổ đông :....., số cổ phần sở hữu..... cổ phần

- Tổng số cổ phần sở hữu :

Bằng số: (Bằng chữ :))

Chiếm: % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Chúng tôi đề cử Ông(bà) : tham gia ứng cử vào:

..... Công ty HAKIPACK.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

ĐD NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2018

ĐƠN ỨNG CỬ
VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT
CTY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN (HAKIPACK)

- Tên Cổ đông:
- Số CMND/GPĐKKD Cấp ngày: Tại:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Tổng số cổ phiếu sở hữu :
- Bằng số: (Bằng chữ :))
- Chiếm: % vốn điều lệ của HAKIPACK.

Sau khi nghiên cứu Quy định về việc tham gia ứng cử vào HĐQT/ BKS trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty, chúng tôi hoàn toàn đáp ứng được các điều kiện nêu tại quy định và do đó có quyền ứng cử tham gia vào HĐQT/ BKS của Công ty.

- Tôi tham gia ứng cử vào: Công ty HAKIPACK.

Tôi xin đính kèm Sơ yếu lý lịch của người ứng cử theo đơn này.

Trân trọng,

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT CTY HAKIPACK**

1. Họ và tên: Giới tính:

2. Sinh ngày: tháng Năm Quốc tịch:

3. CMND (Hộ chiếu) số: Cấp ngày: Tại:

4. Địa chỉ thường trú:

5. Địa chỉ liên lạc:

6. Điện thoại: Fax:

7. Trình độ học vấn: Trình độ chuyên môn:

8. Tóm tắt quá trình công tác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

9. Chức vụ công tác hiện nay:

10. Số lượng cổ phiếu sở hữu/đại diện: cổ phần.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật và bản thân hoàn toàn đáp ứng đủ điều kiện ứng cử/ được đề cử vào HĐQT/ BKS của Công ty HAKIPACK theo Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào HĐQT/BKS, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật.

....., ngày tháng năm 2018

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



THÔNG BÁO

(V/v: ứng cử, đề cử thành viên BKS nhiệm kỳ 2016-2018)

Kính gửi : QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

- Căn cứ Căn cứ Luật Doanh Nghiệp của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 64/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2016;
- Căn cứ Căn cứ Luật Chung khoán của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006; luật sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12;
- Căn cứ Điều lệ công ty CP Bao Bì Hà Tiên đã được ĐHCĐ thông qua

ĐHQT công ty trân trọng thông báo

Ngày 28/04/2018, công ty CP Bao Bì Hà Tiên tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018, Đại hội sẽ tiến hành bầu bổ sung 1 thành viên BKS nhiệm kỳ (2016-2018) do 1 thành viên BKS sẽ được miễn nhiệm để nhận nhiệm vụ khác.

Việc tham gia ứng cử đề cử thành viên BKS được thực hiện như sau:

1. Số lượng bầu bổ sung : 1 thành viên.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên :

Ứng cử viên tham gia BKS phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ và năng lực kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực hoạt động của Công ty.
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

Và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó

3. Việc ứng cử, đề cử người ứng cử vị trí thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo như quy định tại Điều lệ công ty

4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử HĐQT/BKS bao gồm :

- Đơn đề cử (ứng cử) thành viên HĐQT, BKS (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

Nếu Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện nêu trên nếu ứng cử hoặc có yêu cầu đề cử người vào HĐQT, BKS, vui lòng gửi Hồ sơ ứng cử, đề cử (theo mẫu đính kèm) đến Công ty CP Bao Bì Hà Tiên **trước ngày 26/04/2018** theo địa chỉ:

Công ty CP Bao Bì Hà Tiên

Đc: Quốc lộ 80, Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang

Điện thoại: 0297.3854236

Fax: 0297.3853804

HĐQT sẽ tổng hợp danh sách những người ứng cử, đề cử có đủ tiêu chuẩn và điều kiện để bầu cử làm Thành viên HĐQT, BKS cho nhiệm kỳ mới

HĐQT Công ty CP Bao Bì Hà Tiên xin trân trọng thông báo.

Kiên Lương, ngày 14 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CP BAO BÌ HÀ TIÊN

TM. HĐQT

Phan Minh Hoàng

Số : /NQ-ĐHCD
(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HÀ TIÊN

Đại hội khai mạc lúc giờ phút ngày.....tháng 04 năm 2018 tại Hội trường Công ty cổ phần Bao Bì Hà Tiên. Địa chỉ: Quốc lộ 80, khu phố Kênh Tám Thước, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi đã thông qua các nội dung của Đại hội và qua thảo luận đóng góp ý kiến, Đại hội quyết nghị những vấn đề sau:

NỘI DUNG

1. Thống nhất điều chỉnh Điều lệ công ty theo như Dự thảo
2. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017; thống nhất một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 của công ty như sau:

- + Sản lượng sản xuất tiêu thụ (quy đổi): 32.462.000 vỏ bao
- + Doanh thu : 135,7 tỷ đồng
- + Lợi nhuận sau thuế : 3,0 tỷ đồng
- + Tỷ lệ cổ tức: 6%/năm

3. Thông qua báo cáo thực hiện đầu tư năm 2017 và kế hoạch đầu tư năm 2018

Thống nhất với chủ trương đầu tư máy móc thiết bị năm 2018 theo kế hoạch đầu tư của công ty. Ủy quyền cho HĐQT công ty quyết định việc thực hiện.

4. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017; thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2017 và mức trả cổ tức như sau:

Về phân phối lợi nhuận:

* Nguồn lợi nhuận phân phối

Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 3.140.664.761 đồng

Trong đó, lợi nhuận vượt kế hoạch: 140.664.761 đồng

Tổng lợi nhuận được phân phối: 3.140.664.761 đồng

* Phân phối lợi nhuận:

- Trích 5% LN được phân phối vào quỹ ĐT&PT: 157.033.238 đồng

- Trích 15% LN thực hiện vào quỹ KT-PL: 471.099.714 đồng

- Trích 15% lợi nhuận vượt KH để thưởng cho BDH: 21.099.714 đồng

- Lợi nhuận để trả cổ tức cho cổ đông: 2.491.432.095 đồng

(tỷ lệ cổ tức 6,2%)

Tổng cộng 3.140.664.761 đồng

Thống nhất phương án chi trả cổ tức năm 2017 như sau:

* Nguồn chi trả:

- Cổ tức năm 2016 còn giữ lại (1,5%):	612.563.131	đồng
- Cổ tức thực hiện năm 2017 (6,2 %):	2.491.432.095	đồng
Tổng cộng (7,7%)	3.103.995.226	đồng

* Trả cổ tức cho cổ đông:

- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt (6,0%):	2.400.000.000	đồng
- Cổ tức còn giữ lại (1,7%):	703.995.226	đồng

5. Thông qua báo của HĐQT năm 2017 về báo cáo hoạt động của HĐQT, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, giám sát Ban Giám đốc và tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.

6. Thông qua báo của Ban kiểm soát năm 2017 về việc báo cáo kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và thực hiện nghị quyết ĐHCĐ, nghị quyết HĐQT năm 2017.

7. Thông qua báo cáo mức tiền lương, thù lao cho HĐQT và BKS năm 2017 và thống nhất mức tiền lương, thù lao năm 2018 cho HĐQT và BKS theo như báo cáo.

8. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

9. Về nhân sự HĐQT và BKS

.....

Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 với số cổ phần biểu quyết đồng ý là cổ phần, đạt % trên tổng cổ phần biểu quyết tham dự đại hội.

**TM.ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**